

Số: 246SD10/HĐQT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2017

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 10

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.

Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 (có hiệu lực từ 1/7/2015) và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ tiến hành rà soát, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều lệ được sửa đổi trên nguyên tắc kế thừa Điều lệ hiện hành và có sửa đổi, bổ sung một số điểm cho phù hợp với thực tế.

Có bảng so sánh các điểm sửa đổi, bổ sung với nội dung Điều lệ hiện hành kèm theo.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như K/g
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TRẦN NGỌC LAN

DANH MỤC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10
Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

TT	ĐIỀU	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH 2016	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ	LÝ DO
1	Điều 2, khoản 2	Biểu tượng (logo): 	Bổ mục này	- Hợp đồng sử dụng nhân hiệu của TCT Sông Đà đã hết hiệu lực. - TCT Sông Đà thông báo chuyển đổi nhân hiệu.
2	Điều 2, khoản 4	Email: songda10@songda10.com.vn	Email: songda10@songda10.com.vn hoặc songda10vp@gmail.com	Bổ sung
3	Điều 2	Thêm khoản 7 Điều 2	7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 85 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 87 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Bổ sung thời hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp
4	Điều 8, khoản 3	3. Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông.	3. Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông năm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 23, Điều 24 Điều lệ này.	Theo Luật DN 2014
5	Điều 23, khoản 2, điểm c	Điều 23. Quyền của cổ đông c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	Điều 23. Quyền của cổ đông c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;	Theo Luật DN 2014
6	Điều 23, khoản 2, điểm h	Điều 23. Quyền của cổ đông h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, câu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần	Điều 23. Quyền của cổ đông h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần	Theo Luật DN 2014

		cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này (quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp);	từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này (quy định tại khoản 1 Điều 129 của Luật Doanh nghiệp);	
7	Điều 23, khoản 3,	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây: a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 61 Điều lệ này;	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây: a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN
8	Điều 23, khoản 3, điểm a	a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 61 Điều lệ này;	a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN
9	Điều 23,	Thêm khoản 4, 5, 6 vào Điều 23	Điều 23. Quyền của cổ đông 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt qua 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu	Theo điều 114 Luật DN

		tập hợp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. 5. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thì ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử. 6. Các quy định khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.			
10	Điều 28, khoản 1	Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất (30) ba mươi ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong không sớm hơn (15) mười lăm ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.		Theo khoản 1 điều 137 Luật DN 2014

11	Điều 31, khoản 2, điểm a	Điều 31. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không sớm hơn 15 ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Điều 31. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông: a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <i>không sớm hơn 15 ngày</i> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	Theo điều 139 Luật DN 2014
12	Điều 35, khoản 2	Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;	Điều 35. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <i>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Điều lệ này.</i>	Theo khoản 2 điều 145 Luật DN 2014
13	Điều 39, khoản 5	Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT 5. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người không sở hữu cổ phần hoặc sở hữu cổ phần không đảm bảo mức tối thiểu, nhưng người đó có đủ điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh mà Công ty yêu cầu.	Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT 5. Là cổ đông cá nhân hoặc là đại diện của nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người không sở hữu cổ phần hoặc sở hữu cổ phần không đảm bảo mức tối thiểu, nhưng người đó có đủ điều kiện về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh mà Công ty yêu cầu.	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014
14	Điều 40,	Điều 40. Cơ cấu và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:	Điều 40. Cơ cấu và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT:	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014

	khoản 2	2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 5 Điều 23 điều lệ này.	
15	Điều 41, khoản 3, điểm h	2. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 5 Điều 23 điều lệ này. Điều 41. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 37 của Điều lệ này; Được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 3 lần.	Theo điểm g, h, khoản 2 điều 149 Luật DN 2014
16	Điều 60, khoản 1, điểm b	Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên b) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Điều 61. Kiểm soát viên 2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 5 Điều 23 điều lệ này.	
17	Điều 61, khoản 2	Điều 61. Kiểm soát viên 2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát theo khoản 3 Điều 23 và phải tuân thủ theo khoản 5 Điều 23 điều lệ này.	Theo khoản 2 điều 114 Luật DN 2014

		phải tuân thủ theo khoản 4 Điều 23 điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	23 điều lệ này.	
18	Điều 62	Điều 62. Ban kiểm soát: Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát phải có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây: 1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền hợp pháp của Công ty và cổ đông. 2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên đối với các Nghị quyết của Ban kiểm soát. 3. Trong các cuộc họp Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, thành viên kiểm toán nội	Điều 62. Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây: 1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. 2. Kiểm tra tình hình hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thông kê và lập báo cáo tài chính. 3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. 4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. 5. Xem xét số kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này. 6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, Ban kiểm	Theo điều 165 Luật DN 2014

bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và không có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông về các nội dung chính sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc và các cán bộ quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.

soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình và những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát theo quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiên nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm soát nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.